

Bản án số: 278/2018/HS-PT
Ngày 17-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Lương Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Minh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/TL-PT ngày 29 tháng 1 năm 2018 đối với bị cáo Cao Văn B do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 88/2017/HSST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Cao Văn B (Tên gọi khác: Quả), sinh năm: 1979; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Cao Văn N, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948; Gia đình có 05 anh, chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 19/7/2017, tạm giam từ ngày 22/7/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;

Các bị cáo không kháng cáo:

- Đặng Văn D;

- Phạm Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 03/6/2017, tại thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Công an tỉnh Hưng Yên phát hiện Phí Văn M và Vũ Văn C đang sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ: Tại túi quần của M, C mỗi người 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng (Kí hiệu M1 và M2); 02 mảnh giấy bạc, 02 bột lửa. M và C khai 02 gói giấy là Hêrôin mua của Đặng Văn D sáng ngày 02/6/2017 tại gầm cầu vượt Quốc lộ 5B thuộc thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Tiến hành lệnh bắt, khám xét đối với Đặng Văn D. Kết quả thu giữ: Số tiền 300.000đ; 01 xe mô tô; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 01 túi nilon bọc 05 (năm) gói giấy nhỏ (*04 gói được bọc bằng giấy kẻ ô ly; 01 gói bọc bằng lịch lốc*), bên trong các gói giấy nhỏ chứa chất bột và cục màu trắng đục (*Kí hiệu M3*). Đặng Văn D khai nhận 05 gói giấy nhỏ là Hêrôin, 04 gói bọc bằng giấy kẻ ô ly là của Cao Văn B đưa D để bán, 01 gói bọc bằng lịch lốc là mua của Phạm Văn L.

Ngày 04/6/2017, khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn L nhưng không thu giữ gì. Ngày 06/06/2017, L đã tự nguyện nộp các dụng cụ dùng để chia, gói ma túy để bán, gồm: 01 kéo cắt giấy, 05 tờ lịch treo tường, 01 tờ giấy có dòng kẻ Nng (15x25)cm, 01 mảnh giấy kẻ Nng (15x15) cm và 01 lưỡi dao lam.

Ngày 06/6/2017, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Cao Văn B, thu giữ: 02 kéo, 03 xi lanh, 02 lưỡi dao lam, 01 vỏ ống nước cắt, 05 mảnh giấy bạc và nhiều mảnh giấy nhỏ; B tự giao nộp 01 điện thoại di động.

Ngày 07/6/2017, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Văn Năm nhưng không thu giữ gì. Năm tự giao nộp 01 điện thoại di động.

Bản Kết luận giám định số 179/PC54 ngày 15/6/2017 của Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Mẫu tại kí hiệu M1, thu của M có trọng lượng 0,030g là Hêrôin; Mẫu tại kí hiệu M2 thu của C có trọng lượng 0,037g là Hêrôin; Mẫu kí hiệu M3 thu của D có trọng lượng 0,244g là Hêrôin.

Cao Văn B đã bỏ trốn, ngày 19/7/2017 B đã bị bắt.

Tại cơ quan điều tra, B, L và D khai nhận: B, L, D đều nghiện ma túy từ lâu, để có ma túy sử dụng, B và L đã đi mua ma túy về san ra thành các gói nhỏ để bán cho các đối tượng nghiện và sử dụng. Biết D nghiện ma túy, tối ngày 31/5/2017, B đã rủ D bán ma túy cho B, mỗi lần D bán ma túy xong và đưa tiền cho B thì B cho D 01 gói ma túy để sử dụng. Trong các ngày 01 và 02/6/2017, B đã 05 lần đưa cho D tổng số 35 gói Hêrôin, D đã bán cho các đối tượng nghiện

ma túy 29 gói, thu được và chuyển cho B 2.880.000 đồng, sử dụng 02 gói, còn 04 gói bị thu giữ, cụ thể:

Lần 1: Sáng 01/6/2017, B đến nhà giao cho D 05 gói hêrôin để bán.

Lần 2: Vào khoảng 12 giờ ngày 01/6/2017, B đến nhà giao tiếp cho D 06 gói hêrôin để bán, lấy 480.000 đồng tiền bán 05 gói hêrôin đã đưa cho D bán vào buổi sáng cùng ngày.

Lần 3: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/6/2017, B đến nhà giao tiếp cho D 05 gói hêrôin để bán, lấy 600.000 đồng tiền bán 06 gói hêrôin đã đưa cho D bán vào buổi trưa ngày 01/6/2017.

Lần 4: Vào khoảng 12 giờ ngày 02/6/2017, B giao cho D 06 gói hêrôin để bán tại gầm cầu vượt đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, lấy 500.000 đồng tiền bán 05 gói hêrôin đã đưa cho D bán vào buổi sáng ngày 02/6/2017.

Lần 5: Vào khoảng 17 giờ ngày 02/6/2017, B đến nhà giao cho D 13 gói hêrôin để bán, lấy 600.000 đồng tiền bán 06 gói hêrôin đã đưa cho D bán vào buổi trưa ngày 02/6/2017. D đã bán được 07 gói, đưa cho B 700.000 đồng, sử dụng 02 gói, còn lại 04 gói bị thu giữ khi bị bắt khẩn cấp cùng 01 gói hêrôin mua của L.

Trong số 29 gói Hêrôin mà D đã bán cho các đối tượng nghiện ma túy hộ B, có 04 gói D bán cho Vũ Văn C và Phí Văn M vào sáng ngày 02/6/2017, mỗi người 02 gói, giá 100.000 đồng/gói.

Ngoài bán ma túy thuê cho Cao Văn B, Đặng Văn D còn mua ma túy của Phạm Văn L cho các đối tượng nghiện ma túy, được các đối tượng nghiện cho một phần ma túy để sử dụng, cụ thể:

Khoảng 07 giờ ngày 01/6/2017, Trương Thế A đến nhà D hỏi mua ma túy và đưa cho D 200.000 đồng. D cầm tiền và bảo A đi cùng đến nhà L. Khi đến D bảo A đứng ngoài chờ, D vào gọi L. L ra gặp D, D bảo L "*Chú có hàng không bán cho cháu 200.000 đồng*", tức là bảo L bán cho 200.000 đồng hêrôin và đưa cho L 200.000 đồng, L cầm tiền đi vào trong nhà rồi đi ra đưa cho D 02 gói hêrôin. D cầm 02 gói hêrôin ra đưa cho A. A lấy 01 gói ma túy ra chia làm hai, đưa cho D một nửa và cùng D sử dụng hết, còn 01 gói A mang về sử dụng hết vào ngày 02/6/2017.

Tương tự như lần mua ma túy hộ Trương Thế A sáng ngày 01/6/2017, trưa cùng ngày, D cũng mua hộ Vũ Văn C (Long) 02 gói hêrôin hết số tiền 200.000 đồng; sáng 02/6/2017, D cũng mua của L 01 gói hêrôin với giá 100.000 đồng

cho một người nghiện ma túy, nhưng không biết tên, địa chỉ, được người này chia cho một nửa gói ma túy sử dụng.

Sáng ngày 03/6/2017, D đến nhà L mua 01 gói hêrôin với giá 100.000 đồng đem về để bán nhưng chưa kịp bán thì đã bị thu giữ.

Sáng ngày 04/6/2017, D nhận của A 200.000 đồng, của Long 100.000 đồng rồi đi đến nhà L để mua ma túy, nhưng L không còn ma túy nên không mua được.

Ngoài việc đưa ma túy cho D bán, B còn bán trực tiếp cho Vũ Mạnh H ở cùng thôn với B, 02 lần, mỗi lần 2 gói, thu tổng số tiền là 280.000 đồng vào các ngày 01, 02/6/2017 tại nhà của Vũ Mạnh H (H còn nợ 120.000 đồng).

Về nguồn gốc số ma túy, Phạm Văn L khai: Nguồn gốc số ma túy bán cho D và các đối tượng nghiện ma túy khác, cũng như L sử dụng, do L mua của Phan Thị N ở thôn N, xã T, huyện T. Khi cần mua ma túy, L dùng điện thoại có số thuê bao 01683.039.836 gọi điện cho N theo số 01656.0724.274 và 0981.860.592. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập N để đấu tranh làm rõ, nhưng N không có mặt tại địa phương. Do vậy, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

Bị cáo Cao Văn B khai: Số ma túy mà B bán trực tiếp, đưa cho D để bán và sử dụng, là do B nhờ Phan Văn Năm ở thôn Vệ Dương, xã T, huyện T mua hộ 02 lần vào các ngày 31/5/2017, 01/6/2017 và trực tiếp đi mua của người đàn ông không rõ tên, tuổi ở khu vực thị trấn Kẽ Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương 01 lần vào ngày 02/6/2017. Cơ quan điều tra đã triệu tập, ghi lời khai và đối chất với B, nhưng Năm không khai nhận hành vi mua, bán ma túy như B đã khai. Chỉ thừa nhận bản thân là người nghiện ma túy, có biết B qua bạn bè ngoài xã hội. B có gọi điện từ số 0968122608 đến số 01222244365 của Năm để nhờ mua ma túy, nhưng Năm không đồng ý. Việc mua bán ma túy giữa B và Năm không có ai chứng kiến. Do vậy, hồ sơ vụ án chưa đủ căn cứ xử lý đối với Năm.

Chiếc điện thoại của L liên lạc mua ma túy, đã bị mất không thu giữ được.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phí Văn M, Vũ Văn C, Trương Thế A, Đỗ Hải Q và Phạm Mạnh H1. Công an tỉnh Hưng Yên đã có công văn đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Vật chứng và đồ vật thu giữ:

Chiếc xe máy của B dùng để đi mua ma túy và giao cho D bán, B đã bán giá 1.000.000 đồng, B chi tiêu hết số tiền bán xe máy và tiền bán ma túy.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha là của bà Trương Thị Hoa M, cho Trương Thế A mượn, không biết việc A đưa cho D đi mua ma túy của L vào ngày 04/6/2017, nên đã trả cho bà Mỹ.

Chiếc điện thoại Nokia thu giữ của B, B dùng để liên lạc mua bán ma túy; Chiếc điện thoại POWER B98 không liên quan.

Quá trình điều tra, Cao Văn B, Phạm Văn L, Đặng Văn D đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2017/HSST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã tuyên bố: Bị cáo Cao Văn B (tức Q1) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điều 20; Điều 33; khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn B (tên gọi khác: Q1) 11(mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2017 .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/12/2017, bị cáo Cao Văn B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Cao Văn B không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà chỉ thừa nhận mua ma túy về sử dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày: Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo B không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng căn cứ lời khai của bị cáo B; lời khai của bị cáo Đặng Văn D và lời khai của anh Vũ Mạnh H tại cơ quan điều tra đều khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết có đủ cơ sở kết luận bị cáo B có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Quá trình xét xử, bị cáo B không thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo B xử phạt bị cáo B 11 năm tù là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay không có tình tiết mới làm căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Văn B không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, mà chỉ thừa nhận mua ma túy về để sử dụng. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo Đặng Văn D, lời khai của người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là Vũ Mạnh H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Biên bản khám xét, bắt người khẩn cấp đối với Đặng Văn D; vật chứng đã thu giữ của D, B, L, Vũ Văn C và Phí Văn M; Kết luận giám định số 179 ngày 15/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên có cơ sở kết luận: Trong các ngày 01, 02 và 03 tháng 6 năm 2017, Cao Văn B đã bán trực tiếp cho Vũ Mạnh H 02 lần tại nhà Hà, mỗi lần 02 gói Heroin, thu được 280.000đ và biết Đặng Văn D nghiện ma túy, B đã giao ma túy cho D bán rồi trả công bằng ma túy để D sử dụng. B đã giao cho D 05 lần, mỗi lần từ 05 đến 13 gói Heroin, tổng số 35 gói Heroin để bán, D đã bán cho các đối tượng nghiện ma túy 29 gói Heroin thu được 2.880.000đ, sử dụng 02 gói Heroin, còn lại 04 gói thì bị thu giữ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo B cùng các bị cáo khác về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Cao Văn B là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an xã hội và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo B nhận thức được tác hại nguy hiểm của ma túy, nhưng vì thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của cá nhân và hưởng L bất chính nên bị cáo B vẫn nhiều lần mua Heroin mang về chia nhỏ để sử dụng và đưa cho D bán để kiếm lời. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo B đó là có bố để được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba và huy hiệu quyết thắng để xử phạt bị cáo B 11 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, không có tình tiết mới làm căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo B.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo B không được chấp

nhận nên bị cáo B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn B; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn B (tên gọi khác: Q1) 11 (mười một) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2017.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Cao Văn B phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hưng Yên;
(Trại tạm giam số 01);
- Bị cáo (qua trại).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Phương Hạnh**

